

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3 ĐIỂM)

- HS ôn tập nội dung các bài 7, 8, 9, 10.

- TNKQ tham khảo:

- Câu 1. Thời hiện đại, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba còn được gọi là
A. cách mạng 4.0. **B. cách mạng kỹ thuật số.**
C. cách mạng kỹ thuật. D. cách mạng công nghệ.
- Câu 2. Yếu tố nào đã đặt nền tảng cho các phát minh của cách mạng công nghiệp lần thứ ba?
A. Mạng lưới toàn cầu. B. Động cơ đốt trong.
C. Thuyết tương đối. D. Công nghệ in 3D.
- Câu 3. Thành tựu quan trọng đầu tiên của các mạng công nghiệp lần thứ ba là
A. Ro bot. B. vệ tinh. C. tàu chiến. **D. máy tính.**
- Câu 4. Trong cách mạng công nghiệp lần thứ ba, bước tiến quan trọng của ngành công nghệ thông tin là
A. mạng kết nối Internet không dây.(nửa sau tk20) B. mạng kết nối Internet có dây.
C. máy tính điện tử. D. vệ tinh nhân tạo.
- Câu 5. Công ty đã bán chiếc điện thoại di động đầu tiên trên thị trường là
A. Sam sung. **B. Motorola.** C. Nokia. D. Oppo.
- Câu 6. Robot đầu tiên được cấp quyền công dân như con người là
A. Sô-phi-a. B. Robear. C. Paro. D. Asimo.
- Câu 7. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư còn được gọi là
A. cách mạng kỹ thuật số. B. cách mạng công nghiệp nhẹ.
C. cách mạng kỹ thuật. **D. cách mạng 4.0.**
- Câu 8: Cách mạng 4.0 hoàn toàn tập trung vào công nghệ kỹ thuật số và
A. kết nối vạn vật thông qua Internet. B. công cuộc chinh phục vũ trụ.
C. máy móc tự động hóa. D. công nghệ Robot.
- Câu 9. Robot trí tuệ nhân tạo đầu tiên của Việt Nam chế tạo phục vụ cho ngành
A. Kinh tế. **B. Giáo dục.** C. Quân sự. D. Công nghệ thông tin.
- Câu 10. Kho dữ liệu khổng lồ rất quan trọng trong sự phát triển của công nghệ trong thời đại 4.0 đó là
A. Cloud. **B. AI.** C. In 3D. D. Big Data.
- Câu 11. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã làm mờ ranh giới giữa vật lý, sinh học và
A. kỹ thuật số. B. hóa học. C. internet. D. trí tuệ nhân tạo.
- Câu 12. Thành tựu trong công cuộc chinh phục vũ trụ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba gắn liền với hai cường quốc Mỹ và
A. Anh. B. Trung Quốc. **C. Liên Xô.** D. Ấn Độ.
- Câu 13. Tôn giáo nào của Ấn Độ được du nhập vào Đông Nam Á từ những thế kỉ đầu Công nguyên?
A. Phật giáo. B. Hồi giáo. C. Nho giáo và Đạo giáo. **D. Hin-đu giáo.**
- Câu 14. Vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á có điểm gì đặc biệt?
A. Nằm ở vị trí “ngã tư đường” giao thương quốc tế.
B. Là cầu nối giữa Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương.

C. Khu vực duy nhất của châu Á không tiếp giáp với biển.

D. Là cầu nối giữa hai nền văn minh Ai Cập và Lưỡng Hà.

Câu 15. Một trong những công trình kiến trúc tiêu biểu của cư dân Cam-pu-chia thời trung đại là

A. Đền Ăng-co Vát. B. Thánh địa Mỹ Sơn. C. đền Bô-rô-bua-đua. D. chùa Thạt Luổng.

Câu 16. Nhận xét nào dưới đây **không** đúng về tình hình tôn giáo ở Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại?

A. Các tôn giáo cùng tồn tại và phát triển một cách hòa hợp.

B. Các tôn giáo luôn đối lập và xung đột gay gắt với nhau.

C. Tôn giáo ảnh hưởng lớn tới đời sống tinh thần của cư dân.

D. Các tôn giáo lớn của thế giới đều hiện diện ở Đông Nam Á.

Câu 17. Hiện vật nào sau đây tiêu biểu cho nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc?

A. Đài thờ Trà Kiệu. **B. Trống đồng Ngọc Lũ.** C. Tượng Vũ nữ Ấp-sa-ra. D. Tượng Vishnu Bình Hòa.

Câu 18. Đứng đầu các bộ trong bộ máy tổ chức nhà nước thời Văn Lang – Âu Lạc là

A. Vua. **B. Lạc hầu** C. Lạc tướng. D. Bò chính.

Câu 19. Đặc điểm văn minh Đông Nam Á từ thế kỷ VII đến cuối thế kỷ XIX đó là

A. bước đầu hình thành.

B. phát triển rực rỡ.

C. có những chuyển biến quan trọng.

D. suy tàn.

Câu 20. Văn minh Văn Lang – Âu Lạc có đặc điểm gì?

A. Chịu ảnh hưởng sâu sắc từ văn minh Ấn Độ.

B. Là một nền văn minh nông nghiệp trồng lúa nước.

C. Chịu ảnh hưởng sâu sắc từ văn minh Tây Á và Bắc Phi.

D. Hình thành trên nền tảng thủ công nghiệp và thương mại.

Câu 21. Công trình kiến trúc nào sau đây của cư dân Chăm-pa được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới?

A. Tháp Cánh Tiên (Bình Định).

B. Tháp Bà Pô Na-ga (Khánh Hòa).

C. Thánh địa Mỹ Sơn (Quảng Nam).

D. Phật viện Đồng Dương (Quảng Nam).

Câu 22. Cư dân Chăm-pa sáng tạo ra chữ Chăm cổ trên cơ sở của loại chữ viết nào?

A. Chữ Phạn của Ấn Độ.

B. Chữ Hán của Trung Quốc.

C. Chữ La-tinh của La Mã.

D. Chữ Nôm của Đại Việt.

Câu 23. Đặc điểm nổi bật của văn minh Chăm-pa là có sự kết hợp giữa

A. Văn hoá bản địa với văn hoá Ấn Độ.

B. Văn hoá Ấn Độ với văn hoá Trung Hoa.

C. Văn hoá Ấn Độ với văn hoá Đại Việt.

D. Văn hoá Ấn Độ với văn hoá Phù Nam.

Câu 24. Thương cảng nổi tiếng nhất của Vương quốc Phù Nam là

A. Thị Nại.

B. Vân Đồn.

C. Đại Chiêm.

D. Óc Eo.

Câu 25. Cư dân Phù Nam có tín ngưỡng thờ đa thần, tiêu biểu là

A. Thần Brama.

B. Thần Mặt Trời.

C. Thần Shiva.

D. Thần Visnu.

Câu 26. Cư dân Chăm-pa và Phù Nam đều

A. sùng mộ Thiên Chúa giáo.

B. giỏi nghề buôn bán đường biển.

C. dựng nhà sàn bằng gỗ, lợp mái lá.

D. dựng các Thánh đường Hồi giáo đồ sộ.

Câu 27: Lương thực chính của cư dân Văn Lang - Âu Lạc là

A. cá.

B. rau củ.

C. thịt.

D. lúa gạo.

Câu 28: Hoạt động kinh tế chủ đạo của cư dân Văn Lang - Âu Lạc là

- A. **nông nghiệp trồng lúa nước.** B. chăn nuôi gia súc lớn.
C. đánh bắt thủy hải sản. D. chế tác sản phẩm thủ công.

Câu 29: Người đứng đầu Nhà nước Văn Lang là

- A. An Dương Vương. B. **Hùng Vương.** C. lạc tướng. D. lạc hầu.

Câu 30: Cư dân Văn Lang - Âu Lạc không có tín ngưỡng nào sau đây?

- A. Thờ cúng tổ tiên. B. Thờ các vị thần tự nhiên.
C. Tín ngưỡng phồn thực. D. **Tín ngưỡng thờ Phật.**

Câu 31: Kinh đô của nhà nước Văn Lang đặt ở

- A. Phong Châu. B. Cổ Loa. C. **Thăng Long.** D. Đại La.

Câu 32: Văn học thời kì Văn Lang - Âu Lạc là nền văn học

- A. chữ viết. B. chữ Hán. C. **truyền miệng.** D. chữ Quốc ngữ.

Câu 33: Người Việt cổ không có tín ngưỡng nào sau đây?

- A. Thờ cúng tổ tiên. B. **Thờ Đức Phật.** C. Sùng bái tự nhiên. D. Tín ngưỡng phồn thực.

Câu 34: Một trong những cơ sở hình thành văn minh Đại Việt là

- A. quá trình áp đặt về kinh tế lên các quốc gia láng giềng.
B. quá trình xâm lược và bành trướng lãnh thổ ra bên ngoài.
C. sự tiếp thu hoàn toàn những thành tựu văn minh Hy Lạp cổ đại.
D. **sự kế thừa những thành tựu của văn minh Văn Lang - Âu Lạc.**

Câu 35: Trung tâm buôn bán sầm uất nhất của Đại Việt trong các thế kỉ XI - XV là

- A. Phố Hiến. B. Hội An. C. Thanh Hà. D. **Thăng Long.**

Câu 35: Các triều đại phong kiến ở Việt Nam đều theo thể chế nào sau đây?

- A. Quân chủ chuyên chế. B. **Quân chủ lập hiến.**
C. Dân chủ chủ nô. D. Dân chủ đại nghị.

Câu 36: Luật Hồng Đức là bộ luật được ban hành dưới triều đại nào?

- A. Lý. B. Trần. C. **Lê sơ.** D. Nguyễn.

Câu 37: Hoàng Việt luật lệ là bộ luật được ban hành dưới triều đại nào?

- A. Lý. B. Trần. C. Lê sơ. D. **Nguyễn.**

Câu 36: Từ thời Lê sơ, tôn giáo nào sau đây trở thành hệ tư tưởng chính thống của nhà nước quân chủ ở Việt Nam?

- A. Phật giáo B. Đạo giáo. C. **Nho giáo.** D. Công giáo.

Câu 37: Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng chính sách phát triển nông nghiệp của các triều đại phong kiến ở Việt Nam?

- A. Khuyến khích khai hoang mở rộng diện tích canh tác.
B. Nhà nước thành lập các cơ quan chuyên trách đề điều.
C. Quy định cấm giết trâu bò, bảo vệ sức kéo cho nông nghiệp.
D. **Xóa bỏ hoàn toàn chế độ tư hữu ruộng đất trong cả nước.**

Câu 38: Nền giáo dục, khoa cử của Đại Việt bắt đầu được triển khai từ triều đại nào?

- A. Nhà Lý.** B. Nhà Trần. C. Nhà Lê sơ. D. Nhà Nguyễn.

Câu 39: Kinh đô của Đại Việt dưới thời Lý, Trần và Lê sơ là

A. Hoa Lư. B. Tây Đô. **C. Thăng Long.** D. Phú Xuân.

Câu 40: Bộ quốc sử tiêu biểu của nước ta dưới thời Lê sơ là

A. Đại Việt sử ký. **B. Đại Việt sử ký toàn thư.**
C. Đại Nam thực lục. D. Khâm định Việt sử thông giám cương

mục.

II. TỰ LUẬN (3 ĐIỂM)

1. Thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư.
2. Ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ, Trung Quốc đến văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại.
3. Đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang – Âu Lạc, Chăm-pa, Phù Nam.
4. - Cơ sở hình thành văn minh Đại Việt.
- Trách nhiệm của cá nhân trong việc bảo tồn và phát huy giá trị của những thành tựu văn minh Đại Việt.